

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HS-ST
Ngày 17-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thúy Phương

Bà Nguyễn Bích Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Sầm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2022/TLST-HS ngày 17/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/HSST-QĐ, ngày 14/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/HSST-QĐ, ngày 24/02/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình B, (tên gọi khác: Không có). Sinh ngày 26/9/1989 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Khu D, thị trấn D, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đình V (đã chết) và bà Võ Thị Kim T; có vợ là Hoàng Thị H (đã ly hôn) và 01 con (sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

- Bản án số 04/2012/HS-ST ngày 09/01/2012 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt Nguyễn Đình B 12 (mười hai) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (đã xóa tiền án).

- Ngày 15/01/2010 Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt hành chính Nguyễn Đình B hình thức Cảnh cáo về hành vi Đánh bạc (đã xóa tiền sự).

- Chưa bị xử lý kỷ luật;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 24/7/2021 đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Hữu P (tên gọi khác: Không có). Sinh ngày 04/12/1994 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 11, khu phố P, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới

tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự; chưa bị xử lý hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 24/7/2021 đến nay. Có mặt.

- *Các bị hại:*

1- Anh Lành Văn T, sinh năm 1989, trú tại: Thôn C, xã B, C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2- Anh Lê Văn C, sinh năm 1985, trú tại: Khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3- Ông Vi Văn D, sinh năm 1970, trú tại: Thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4- Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1984, trú tại: Khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991, trú tại: Số 210, khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

6- Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1984, trú tại: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

7- Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1970; trú tại: Thôn Đ, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

8- Anh Mai Văn Đ, sinh năm 1994; trú tại: Khu I, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

9- Anh Lục Văn T, sinh năm 1992; trú tại: Thôn C, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

10- Anh Hoàng Minh H, sinh năm 1980; trú tại: Thôn C, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

11- Bà Lương Thị X, sinh năm 1978; trú tại: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

12- Ông Lãng Văn K, sinh năm 1964; trú tại: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1- Anh Vi Văn Đ, sinh năm 1992; trú tại: Thôn N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2- Anh Đình Văn T, sinh năm 1992; trú tại: Thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3- Anh Đàm Văn T, sinh năm 1995; trú tại: Thôn N, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4- Anh Vũ Thành L, sinh năm 1989; trú tại: Khu 4, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5- Anh Hứa Quang Đ, sinh năm 1979; trú tại: Số 112, khu L, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

6- Anh Lường Văn T, sinh năm 1999; trú tại: Bản M, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

7- Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1989; trú tại: Khu K, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

8- Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1978; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu I, xã T, huyện Văn L, tỉnh Lạng Sơn; tạm trú tại: Khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

9- Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1988; trú tại: Khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

10- Ông Lăng Văn C, sinh năm 1975; Thôn C, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

11- Anh Đinh Văn Q, sinh năm 1988; trú tại: Thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

12- Anh Đặng Tiên Đ, sinh năm 1988; trú tại: Ngõ 2, thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

13- Anh Thân Việt H, sinh năm 1980; trú tại: Thôn C, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

14- Anh Lương Văn T, sinh năm 1999; trú tại: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

15- Anh Đặng Mạnh T, sinh năm 1988; trú tại: Thôn C, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

16- Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1989; trú tại: Thôn C, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

17- Anh Hứa Đình H, sinh năm 2000; trú tại: Thôn K, xã N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

18- Ông Hứa Viết T, sinh năm 1974; trú tại: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

19- Anh Đàm Văn T, sinh năm 1995; trú tại: Thôn N, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

20- Anh Lăng Văn N, sinh năm 1995; trú tại: Thôn N, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

21- Ông Mai Văn N, sinh năm 1970; trú tại: Thôn S, xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

22- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

23. Bà Lao Thị Bích L, sinh năm 1986, địa chỉ: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (đã chết ngày 14/02/2022).

- *Người làm chứng*: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1990; Vắng mặt.

- *Người chứng kiến*: Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1964; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 24/7/2021, Nguyễn Đình B mượn xe mô tô biển kiểm soát (viết tắt là BKS) 12B1-050.71 của Hoàng Tiến H chở Nguyễn Hữu P đi quanh khu vực thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn mục đích tìm tài sản sơ hở để

trộm cắp. Khi qua trước cửa một nhà dân tại khu Ga, thị trấn Đồng Đăng, thấy trước sân dựng 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 89K6-6481, nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn đen (xe của anh Lê Văn C, sinh năm 1985, tạm trú tại: Khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn) chìa khóa vẫn cắm tại ổ điện. Quan sát thấy không có ai trông coi, Nguyễn Đình B điều khiển xe đến gần để Nguyễn Hữu P nhảy xuống, tiến đến mở khóa, nổ máy, lấy trộm chiếc xe. Nguyễn Đình B và Nguyễn Hữu P mỗi người điều khiển một xe đi về phòng trọ của B tại khu N, thị trấn Đ. B tháo, thay biển số 12K5-4905 mà B nhặt được trước đó vào chiếc xe vừa lấy trộm rồi bảo P mang chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12B1-050.71 trả cho H. Khoảng 17 giờ cùng ngày, B và P sử dụng xe mô tô gắn BKS 12K5-4905 (là chiếc xe BKS 89K6-6481 mà B và P lấy trộm được tại khu Ga, thị trấn Đồng Đăng) lên khu vực Cửa khẩu Tân Thanh, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tiếp tục lấy trộm được chiếc xe mô tô BKS 98D1-457.11, nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn trắng (xe của anh Mai Văn Đ, sinh năm 1994, tạm trú tại: Khu I, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn). Sau đó, B điều khiển chiếc xe BKS 98D1-457.11, P điều khiển chiếc xe gắn BKS 12K5-4905 quay về huyện Cao Lộc, mang chiếc xe gắn BKS 12K5-4905 đến gửi tại nhà Đặng Mạnh T (sinh năm 1988, trú tại: Thôn C, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn) rồi B chở P bằng chiếc xe mô tô, BKS 98D1-457.11 đi thành phố Lạng Sơn tìm nơi tiêu thụ thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt giữ.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đình B khai: Nguyễn Đình B thuê phòng trọ tại khu Nam Quan, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc. Thông qua bạn của mình, Nguyễn Đình B quen với Nguyễn Hữu P, sau đó Nguyễn Hữu P đến ở trọ cùng Nguyễn Đình B. Trong khoảng thời gian từ ngày 21/6/2021 đến ngày 24/7/2021, Nguyễn Đình B đã nhiều lần một mình trộm cắp và cùng Nguyễn Hữu P trộm cắp tài sản xe mô tô sau đó đem đi tiêu thụ, lấy tiền tiêu xài. Ngoài 02 vụ trộm cắp tài sản đã nêu trên, Nguyễn Đình B và Nguyễn Hữu P còn thực hiện 10 vụ khác, cụ thể như sau:

- *Vụ thứ nhất:* Ngày 21/6/2021, một mình Nguyễn Đình B đến khu Vườn Sái, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn đỏ - đen, BKS: 12D1-132.11 của ông Lãng Văn K (sinh năm 1964, trú tại: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn). Trộm xong, B nhờ Hoàng Thị S (sinh năm 1978, trú tại: Khu I, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn) đến hiệu cầm đồ tại số 483, đường Trần Đăng Ninh, thôn Vĩ Thượng, xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn cầm cố chiếc xe cho Đặng Tiến Đ (sinh năm 1992, trú tại: Thôn H, xã H, thành phố L) với giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

- *Vụ thứ hai:* Ngày 25/6/2021, một mình Nguyễn Đình B đến chợ thuộc khu Dây Thép, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO DETECH, màu sơn đen, BKS: 12UA-020.30 của bà Hoàng Thị N (sinh năm 1971, trú tại: Thôn Đ, xã K, huyện V). Trộm xong, B nhờ Nguyễn Hữu P

đến quán cầm đồ tại số 483, đường Trần Đăng Ninh, thôn Vĩ Thượng, xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn cầm cố chiếc xe cho Đặng Tiến Đ với giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Lúc này P mới đến ở cùng B và không biết chiếc xe này là tài sản do B trộm cắp mà có.

- *Vụ thứ ba:* Ngày 30/6/2021, một mình Nguyễn Đình B đến chợ thuộc khu Dây Thép, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn đen, BKS: 12D1-147.17 của anh Bùi Văn Đ (sinh năm 1984, trú tại: Khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn). Trộm xong, B nhờ Nguyễn Tiến Đ (sinh năm 1994, trú tại: Thôn C, xã T, huyện V) môi giới rồi B bán chiếc xe cho Vi Văn Đ (sinh năm 1992, trú tại: Thôn N, xã H, thành phố L) với giá 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn đồng).

- *Vụ thứ tư:* Ngày 07/7/2021, một mình Nguyễn Đình B đến khu Vườn Sái, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn đen, BKS: 22B2-529.92 của anh Nguyễn Văn H (sinh năm 1991, trú tại: Khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn). Trộm xong, B nhờ Đinh Văn Q môi giới rồi B bán chiếc xe cho Đinh Văn T (sinh năm 1992, trú tại: Thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn) với giá 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

- *Vụ thứ năm:* Ngày 08/7/2021, một mình Nguyễn Đình B đến thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn đen - bạc, BKS 12V1-025.12 của anh Hoàng Minh H (sinh năm 1980, trú tại: Thôn C, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn). Nguyễn Đình B khai nhờ Nguyễn Xuân T môi giới, tìm người mua xe; B nói cho T biết đây là chiếc xe không có giấy tờ, không có biển kiểm soát, là xe “nhảy” (ý nói là xe trộm cắp được). Sau đó, T giới thiệu Hứa Quang Đ (sinh năm 1979, trú tại: Khu L, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn) cho B rồi B bán chiếc xe cho Đ với giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Ngày 10/8/2021, Công an xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn phát hiện, tạm giữ chiếc xe trên tại khu đồi Tràng Công thuộc thôn Pò Chài, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, sau đó bàn giao chiếc xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc.

- *Vụ thứ sáu:* Ngày 10/7/2021, một mình Nguyễn Đình B đến thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn đen - bạc, BKS: 12V1-085.53 của chị Lương Thị X (sinh năm 1978, trú tại: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn). Trộm xong, B nhờ Đinh Văn Q môi giới rồi B bán chiếc xe cho Đàm Văn T (sinh năm 1995, trú tại: Thôn N, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn) với giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

- *Vụ thứ bảy:* Ngày 14/7/2021, Nguyễn Đình B cùng Nguyễn Hữu P đến khu Vườn Sái, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn trắng, BKS: 12D1-101.33, trong cốp xe có số tiền 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng) của anh Lành Văn T (sinh năm

1989, trú tại: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn). Trộm xong, B nhờ Hoàng Văn L (sinh năm 1989, trú tại: Khu K, thị trấn Đ, huyện C) môi giới rồi B bán chiếc xe cho Vũ Thành L (sinh năm 1989, trú tại: Khu 4, thị trấn N, huyện V) với giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Sau đó, L bán lại chiếc xe cho Lương Văn T (sinh năm 1999, trú tại thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn) với giá 4.300.000 đồng (bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

- *Vụ thứ tám:* Ngày 17/7/2021, Nguyễn Đình B cùng Nguyễn Hữu P đến thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn xanh, BKS: 12D1-067.67, trong cốp xe có số tiền 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng) của anh Lục Văn T (sinh năm 1992, trú tại: Thôn C, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn). Trộm xong, B nhờ Đình Văn Q môi giới rồi B bán chiếc xe cho Lăng Văn N (sinh năm 1995, trú tại: Thôn N, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn) với giá 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm nghìn đồng).

- *Vụ thứ chín:* Ngày 19/7/2021, một mình Nguyễn Đình B đến thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn đen - bạc, BKS: 12V1-022.98 của chị Hoàng Thị T (sinh năm 1984, trú tại: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn). Nguyễn Đình B khai sau khi lấy trộm được chiếc xe mô tô đã bán cho Nguyễn Xuân T, sau đó T nhờ B mang xe bán lại cho Lăng Văn C (sinh năm 1975, trú tại: Thôn C, xã H, huyện C). C khai Đ giới thiệu cho Nguyễn Đình B.

- *Vụ thứ mười:* Ngày 21/7/2021, Nguyễn Đình B cùng Nguyễn Hữu P đến thôn Khuổi Mười, xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn trắng - đen, BKS: 12H1-8424 của ông Vi Văn D (sinh năm 1970, trú tại: Thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn). Trộm xong, qua Nguyễn Xuân T giới thiệu, B tiếp tục bán chiếc xe cho Hứa Quang Đ với giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Toàn bộ số tiền có được từ việc bán các xe mô tô trộm cắp đều do Nguyễn Đình B cầm phục vụ mục đích chi tiêu, sinh hoạt chung hàng ngày của hai bị cáo và mua ma túy để sử dụng tại phòng trọ thuộc khu Nam Quan, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc.

Tại các Bản kết luận định giá tài sản số 24, 25 ngày 27/7/2021, số 28 ngày 19/8/2021 và số 33 ngày 30/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn kết luận về giá trị các xe mô tô tại thời điểm định giá:

- Chiếc xe mô tô BKS: 89K6-6481, nhãn hiệu HONDA WAVE, chủ sở hữu là anh Lê Văn C có giá trị: 3.360.000 đồng (ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Chiếc xe mô tô BKS: 98D1-457.11, nhãn hiệu HONDA WAVE, chủ sở hữu là anh Mai Văn Đ có giá trị 8.400.000 đồng (tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Chiếc xe mô tô BKS: 12D1-132.11, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, chủ sở hữu là ông Lăng Văn K có giá trị 6.390.000 đồng (sáu triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

- Chiếc xe mô tô BKS: 12UA-020.30, nhãn hiệu ESPERO DETECH, chủ sở hữu là bà Hoàng Thị N, có giá trị 8.750.000 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Chiếc xe mô tô BKS: 12D1-147.17, nhãn hiệu HONDA WAVE, chủ sở hữu là anh Bùi Văn Đ có giá trị 5.040.000 đồng (năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Chiếc xe mô tô BKS: 22B2-529.92, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn H có giá trị 13.650.000 đồng (mười ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn).

- Chiếc xe mô tô BKS: 12V1-025.12, nhãn hiệu HONDA WAVE, chủ sở hữu là anh Hoàng Minh H có giá trị 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Chiếc xe mô tô BKS: 12V1-085.53, nhãn hiệu HONDA WAVE, chủ sở hữu là chị Lương Thị X có giá trị 10.650.000 đồng (mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

- Chiếc xe mô tô BKS: 12D1-101.33, nhãn hiệu HONDA WAVE, chủ sở hữu là anh Lành Văn T có giá trị 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Chiếc xe mô tô BKS: 12D1-067.67, nhãn hiệu HONDA WAVE, chủ sở hữu là anh Lục Văn T có giá trị 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Chiếc xe mô tô BKS: 12V1-022.98, nhãn hiệu HONDA WAVE, chủ sở hữu là chị Hoàng Thị T có giá trị 5.040.000 đồng (năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Chiếc xe mô tô BKS: 12H1-8424, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, chủ sở hữu là anh Vi Văn D có giá trị 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKS, ngày 14/02/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình B về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, c, khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Hữu P về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận diễn biến hành vi như cáo trạng đã nêu. Bị cáo Nguyễn Đình B thừa nhận được thực hiện hành vi trộm cắp đối với 12 chiếc xe máy của 12 bị hại gồm: Anh Lành Văn T, anh Lê Văn C, ông Vi Văn D, anh Bùi Văn Đ, anh Nguyễn Văn H, chị Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị N, anh Mai Văn Đ, anh Lục Văn T, anh Hoàng Minh H, bà Lương Thị X và ông Lăng Văn K. Trong đó có 05 vụ có sự tham gia của bị cáo Nguyễn Hữu P. Bị cáo nhất trí với kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Cao Lộc. Bị cáo chấp nhận bồi thường cho bị hại chị Hoàng Thị T giá trị chiếc xe theo giá của Hội đồng định giá. Bị cáo thừa nhận

hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do cần tiền để sử dụng ma túy và chi tiêu cho cuộc sống hàng ngày nên bị cáo đã phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Hữu P thừa nhận khi được Nguyễn Đình B rủ, Nguyễn Hữu P đã tham gia trộm cắp 05 chiếc xe máy cùng Nguyễn Đình B của 05 bị hại gồm: anh Lê Văn C, anh Mai Văn Đ, anh Lành Văn T, anh Lục Văn T và ông Vi Văn D, số tiền trộm được do Nguyễn Đình B sử dụng để sinh hoạt chung cho cả B và P. Bị cáo nhất trí với kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Cao Lộc. Bị cáo chấp nhận bồi thường những chiếc xe bị cáo đã tham gia trộm cắp. Đối với chiếc xe bị cáo mang đi cầm cố hộ Nguyễn Đình B, bị cáo chấp nhận bồi thường cho anh Đ 3.000.000 đồng. Bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng đây là nguồn sống chính của bị cáo nên khi B rủ bị cáo không ngăn cản mà còn tiếp tay cho B.

Một số người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra khai:

Bị hại anh Lành Văn T khai: Khoảng 0 giờ 00, ngày 14/7/2021 anh T đi làm và về phòng trọ anh K. Khi đến nơi anh T dựng chiếc xe HONDA WAVE, BKS 12D1-1013 màu trắng trước cửa phòng trọ rồi vào phòng ăn cơm. Đến khoảng 00 giờ 45 phút sau khi ăn cơm xong ra lấy xe thì không thấy xe đâu. Trong cốp xe anh T để 01 đăng ký xe, 01 giấy phép lái xe, 01 chứng minh nhân dân và 1.400.000 đồng. Tất cả những giấy tờ và số tiền trên đều bị mất theo xe. Anh T đã được Công an trả lại chiếc xe và toàn bộ giấy tờ đã mất, anh không có ý kiến gì về các tài sản và giấy tờ trên. Riêng đối với số tiền 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng) anh yêu cầu các bị cáo Nguyễn Đình B và Nguyễn Hữu P trả lại cho anh. Đề nghị Tòa án xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại anh Lê Văn C khai: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 24/7/2021, khi đi làm về anh C dựng chiếc xe mô tô HONDA WAVE, BKS 89K6-6481 màu đen trước cửa phòng trọ thuộc khu Ga, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc rồi vào nhà ăn cơm đi ngủ. Khoảng 15 giờ cùng ngày, khi ngủ dậy thì không thấy chiếc xe đâu. Trong cốp xe anh C để 01 đăng ký xe mang tên Giang Thị L (chủ xe), 01 giấy phép lái xe mang tên anh C đã bị mất cùng xe. Anh C đã được Công an trả lại chiếc xe và toàn bộ giấy tờ đã mất, anh không có ý kiến gì về các tài sản và giấy tờ trên, không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Đề nghị Tòa án xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại ông Lãng Văn K khai: Khoảng 06 giờ ngày 21/6/2021, khi ông K đi xây nhà cho người dân thuộc khu Vườn Sái, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và dựng 01 chiếc xe mô tô YAMAHA SIRIUS, BKS 12D1-13211 màu đỏ đen cách vị trí làm việc khoảng 50m. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày khi làm việc xong ra về thì không thấy xe đâu. Trong cốp xe ông K để 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe đã mất cùng với xe. Ông K đã nhận lại chiếc xe và đăng ký xe nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Đề nghị Tòa án xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại ông Vi Văn D khai: Khoảng 15 giờ ngày 21/7/2021, ông D dựng chiếc xe mô tô YAMAHA SIRIUS, BKS: 12H1-8424 trước sân rồi đi vào nhà đến khoảng 19 giờ 15 phút cùng ngày phát hiện chiếc xe đã bị mất. Ông Vi Văn D đã nhận lại chiếc xe nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Đề nghị Tòa án xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại anh Bùi Văn Đ khai: Khoảng 12 giờ 00 ngày 30/6/2021, anh Đ dựng 01 chiếc xe mô tô HONDA WAVE, BKS 12D1-14717 màu đen bạc ngay bên lề đường,

cách cửa hàng 50 m. Khoảng 17 giờ 00 cùng ngày thì anh Đ phát hiện bị mất xe. Anh Đ đã nhận lại chiếc xe nên không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình B bồi thường. Đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại bà Hoàng Thị N khai: Khoảng 8 giờ 00 ngày 25/6/2021, bà N dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO DTECH, biển kiểm soát 12UA-02030 màu đen ở rìa đường Kim Đồng (thuộc khu chợ Dây Thép, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc) rồi đi bán hàng. Đến 11 giờ cùng ngày quay lại thì không thấy xe đâu. Ngoài ra bà N còn bị mất 01 Giấy đăng ký xe vì để trong cốp xe. Bà N đã nhận lại chiếc xe và đăng ký xe nên không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình B bồi thường. Đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại anh Mai Văn Đ khai: Khoảng 17 giờ 00 ngày 24/7/2021 anh Đ dựng chiếc xe mô tô HONDA WAVE, BKS 98D1-45711 màu sơn trắng trước cửa Ban quản lý cửa khẩu Tân Thanh, huyện Văn Lãng để đi đánh cầu lông. Khoảng 18 giờ 00 cùng ngày sau khi đánh cầu xong ra về thì không thấy xe đâu. Anh Đ đã nhận lại chiếc xe bị mất nên không yêu cầu các bị cáo Nguyễn Đình B, Nguyễn Hữu P bồi thường. Đề nghị Tòa án xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại anh Lục Văn T khai: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 17/7/2021 anh T dựng 01 chiếc xe mô tô trước cửa HONDA WAVE, BKS: 12D1- 06767 màu sơn xanh trước cửa nhà, đến khoảng 21 giờ 30 phút thì không thấy chiếc xe đâu. Ngoài ra anh T còn mất 01 Giấy phép lái xe ô tô, 01 Giấy phép lái xe mô tô, 01 Giấy đăng ký xe mô tô, 01 Giấy chứng minh nhân dân và 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng) do để trong cốp xe. Anh T đã lấy lại được chiếc xe và toàn bộ giấy tờ nêu trên. Anh T yêu cầu các bị cáo Nguyễn Đình B, Nguyễn Hữu P bồi thường. Đề nghị Tòa án xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại anh Hoàng Minh H khai: Khoảng 15 giờ 00 ngày 08/7/2021 anh H dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, BKS: 12V1- 02512 màu sơn đen cạnh đường để xuống ruộng phát cỏ tại thôn Nà Tênh, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, cách vị trí anh làm việc khoảng 100m. Đến khoảng 16 giờ 00 cùng ngày khi về thì anh không thấy chiếc xe. Ngoài ra anh H còn mất 01 Giấy đăng ký xe do để trong cốp. Anh H đã nhận lại chiếc xe và đăng ký xe nên không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình B bồi thường. Đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại bà Lương Thị X khai: Khoảng 15 giờ ngày 10/7/2021 bà X dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, BKS: 12V1- 08553 màu sơn đen bạc cạnh đường để xuống ruộng thuộc thôn Nà Han, xã Tân Thanh, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn để gặt lúa, vị trí để xe cách ruộng khoảng 50m. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày khi ra về thì phát hiện mất xe. Bà X đã nhận lại chiếc xe nên không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình B bồi thường. Đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị hại chị Hoàng Thị T khai: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 18/7/2021, chị T dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, BKS 12V1-02298 trước cửa phòng trọ tại thôn Thâm Mò, xã Phú Xá, huyện Cao Lộc và vào nhà ngủ quên không cất xe. Sáng hôm sau ngủ dậy thì không thấy xe đâu. Hiện nay chiếc xe của chị T chưa tìm thấy, chị T yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình B phải bồi thường cho chị số tiền 15.000.000 đồng để mua chiếc xe khác đi lại. Biển kiểm soát xe mô tô

12V1-022.98 là của chị, chị xin lại. Đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị hại anh Nguyễn Văn H khai: Khoảng 20 giờ ngày 07/7/2021, anh H dựng chiếc xe mô tô YAMAHA SIRIUS, BKS: 22B2-529-92 màu đen trước cửa nhà. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì không thấy chiếc xe đâu. Trong cốp xe anh H để 01 Giấy chứng minh nhân dân và 01 bằng lái xe mô tô đã mất cùng với xe. Anh H đã nhận lại chiếc xe và toàn bộ giấy tờ nên không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình B bồi thường. Đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Đình B.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra khai cụ thể:

Anh Đặng Mạnh T khai: Khoảng 16 giờ 00 ngày 24/7/2021 có một người bạn tên là B quen biết từ trước đi cùng một nam thanh niên vào nhà anh tại Thôn Còn Khoang, xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc gửi nhờ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu sơn trắng (không nhớ Biển kiểm soát). Sau đó họ đi đâu không rõ đến 19h30 phút cùng ngày thì lực lượng Công an đến làm việc anh T mới biết đó là xe trộm cắp. Anh T không liên quan đến việc trộm cắp tài sản của các bị cáo.

Anh Đinh Văn Q khai: Q có mối quan hệ bạn bè với Nguyễn Đình B. Q đã 03 lần môi giới cho khách mua xe của Nguyễn Đình B: Lần 1 vào ngày 12/7/2021 giới thiệu anh Đinh Văn T (sinh năm 1992, địa chỉ: xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn) mua với Nguyễn Đình B 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu sơn đen, không nhớ biển kiểm soát với giá 4.000.000 đồng, anh Q được Nguyễn Đình B chia cho 200.000 đồng. Lần 2: Vào ngày 19/7/2021, Q có giới thiệu anh Đàm Văn T (sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn) mua với Nguyễn Đình B 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu sơn đen bạc với giá 3.000.000 đồng, anh Q được Nguyễn Đình B chia cho 200.000 đồng. Lần 3: Vào ngày 20/7/2021, Q giới thiệu anh Lăng Văn N (sinh năm 1995, trú tại: Thôn N, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn) mua xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu sơn bạc với Nguyễn Đình B, giá 3.300.000 đồng, Q xin B 300.000 đồng. Tổng cộng 03 lần giới thiệu mua xe, Q được hưởng lợi 700.000 đồng. Q không biết những chiếc xe trên do trộm cắp mà có, do Nguyễn Đình B nhờ giới thiệu bán thì Q giúp.

Anh Đinh Văn T khai: Anh T được Đinh Văn Q giới thiệu mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu sơn đen với Nguyễn Đình B, không nhớ biển kiểm soát với giá 4.000.000 đồng. Anh T thấy B đưa cho Q 200.000 đồng. Anh T khẳng định khi mua xe không biết xe do phạm tội mà có. Anh T yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình B phải bồi thường cho anh số tiền 4.000.000 đồng anh đã bỏ ra mua chiếc xe, đề nghị Tòa án xét xử bị cáo Nguyễn Đình B theo quy định của pháp luật.

Anh Đàm Văn T khai: Anh T được mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu sơn đen bạc, không có biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu và không có giấy tờ với 01 đôi nam nữ với giá 3.000.000 đồng do Đinh Văn Q giới thiệu. Anh T khẳng định khi mua xe không biết xe do phạm tội mà có. Anh T yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình B phải bồi thường cho anh số tiền 3.000.000 đồng anh đã bỏ ra mua chiếc xe, đề nghị Tòa án xét xử bị cáo Nguyễn Đình B theo quy định của pháp luật.

Anh Lăng Văn N khai: Anh N có mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu sơn bạc, xe không có giấy tờ và không có biển kiểm soát với Nguyễn Đình B, giá 3.300.000 đồng thông qua Đinh Văn Q giới thiệu. Anh N yêu cầu bị cáo

Nguyễn Đình B phải bồi thường cho anh N số tiền 3.300.000 đồng anh đã bỏ ra mua chiếc xe, đề nghị Tòa án xét xử bị cáo Nguyễn Đình B theo quy định của pháp luật.

Anh Đặng Tiến Đ khai: Anh Đ là nhân viên cửa hàng cầm đồ tại số 483, đường Trần Đăng Ninh, thành phố Lạng Sơn. Vào ngày 21/6/2021 anh được nhận cầm đồ với một người phụ nữ tên là Hoàng Thị S, sinh năm 1978 ở Tân Thanh, Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn 01 chiếc xe YAMAHA SIRIUS màu sơn đỏ đen, BKS 12D1- 13211, xe có giấy tờ đầy đủ mang tên Lăng Văn K, giá cầm cố là 4.000.000 đồng. Vào ngày 25/6/2021, anh Đ nhận cầm đồ với một người nam thanh niên tên Nguyễn Hữu P, sinh năm 1994, địa chỉ: Tân Phước, Tân Thành, thành phố Vũng Tàu 01 chiếc xe mô tô DETECH màu đen, BKS 12UA-02030, xe có giấy tờ đầy đủ mang tên Hoàng Thị N, giá cầm cố là 3.000.000 đồng. Hai bên làm hợp đồng cầm cố có thỏa thuận lãi và quy định nếu hết thời hạn cầm cố thì cửa hàng sẽ thanh lý 02 chiếc xe trên. Anh Đ không biết 02 chiếc xe này do phạm tội mà có vì có đầy đủ giấy tờ và biển kiểm soát. Anh Đ yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình B bồi thường cho anh Đ số tiền 4.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Hữu P bồi thường cho anh Đ số tiền 3.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án xét xử bị cáo Nguyễn Đình B, Nguyễn Hữu P theo quy định của pháp luật.

Chị Hoàng Thị S khai: Bản thân chị có 01 lần được đi cùng Nguyễn Đình B mang chiếc xe YAMAHA SIRIUS màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 12D1- 13211, xe có giấy tờ đầy đủ mang tên Lăng Văn K đi cầm cố với anh Đặng Tiến Đ với giá là 4.000.000 đồng. Ngày 19/7/2021, chị S được đi cùng Nguyễn Đình B đến ngã ba Bản Làn, xã Diêm He, huyện Văn Quan để trả xe mô tô cho bạn. Cả hai lần đi cùng, chị S không biết những tài sản đó là do phạm tội mà có.

Anh Thân Việt H khai: Do về quê nên giao lại cửa hàng cầm đồ cho anh Đặng Tiến Đ quản lý, anh H không biết việc anh Đặng Tiến Đ cầm cố 02 chiếc xe như anh Đ trình bày ở trên do vậy anh không biết 02 chiếc xe này do phạm tội mà có.

Anh Vi Văn Đ khai: Anh Đình mua với Nguyễn Đình B 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu sơn đen, không có giấy tờ, không có biển kiểm soát, giá mua là 3.900.000 đồng. Anh Đ yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình B phải bồi thường cho anh Vi Văn Đ số tiền 3.900.000 đồng. Đề nghị Tòa án xét xử bị cáo Nguyễn Đình B theo quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Văn L khai: Anh là người giới thiệu cho anh L (ở thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng) mua xe với Nguyễn Đình B. Hai bên tự giao dịch mua xe, trả tiền, anh L không tham gia và không được hưởng lợi gì.

Anh Vũ Thanh L khai: Anh L có giới thiệu cho anh Lương Văn T (sinh năm 1999, trú tại: xã V, huyện L) mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu sơn trắng, xe không có giấy tờ và không có biển kiểm soát với Nguyễn Đình B. Anh L thỏa thuận với Nguyễn Đình B giá 3.000.000 đồng, nói lại với anh Lương Văn T giá 4.300.000 đồng. Phần chênh lệch 1.300.000 đồng anh L được hưởng.

Anh Lương Văn T khai: Anh T mua với anh L chiếc xe trên với giá 4.300.000 đồng đúng như anh L khai. Anh sẽ tự yêu cầu anh L trả cho anh 4.300.000 đồng.

Anh Nguyễn Xuân T khai: Không được giới thiệu anh Hứa Quang Đ và anh Lăng Văn C mua xe máy chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu sơn đen bạc với Nguyễn Đình B.

Anh Hứa Quang Đ khai: Anh Đ được mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu sơn đen trắng, biển kiểm soát 12V1- 08558, không có giấy

tờ, không biên kiểm soát với một người nam thanh niên thỏa thuận giá 5.000.000 đồng, trả trước 2.000.000 đồng, hẹn mang giấy tờ đến trả nốt số tiền còn lại nhưng không thấy người bán xe quay lại. Anh Đ yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình B và Nguyễn Hữu P trả số tiền 2.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án xét xử bị cáo Nguyễn Đình B và Nguyễn Hữu P theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác như: Anh Lăng Văn C, anh Hứa Viết T, Hoàng Tiến H, chị Lục Thị H khai không liên quan đến việc trộm cắp tài sản của các bị cáo Nguyễn Đình B và Nguyễn Hữu P. Anh Hứa Đình H khai biên kiểm soát 12K5-4905 là của anh, anh làm rơi nay xin lại. Lăng Văn C khai quen Nguyễn Đình B do Đ giới thiệu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình B, Nguyễn Hữu P phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Đề nghị áp dụng điểm b, c, khoản 2, Điều 173; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình B, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình B từ 04 (bốn) đến 05 (năm) năm tù giam;

Đề nghị áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 173; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu P, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P từ 03 (ba) đến 04 (bốn) năm tù giam; không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Trách nhiệm bồi thường dân sự: Do chiếc xe mô tô của chị Hoàng Thị T bị mất chưa thu hồi được và chị T có yêu cầu bị cáo bồi thường nên bị cáo phải bồi thường cho chị T số tiền theo Hội đồng định giá đã định giá. Chị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.000.000 đồng là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần. Anh Đình Văn T yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình B bồi thường số tiền 4.000.000 đồng; anh Đàm Văn T yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình B bồi thường số tiền 3.000.000 đồng; anh Lăng Văn N yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình B và Nguyễn Hữu P bồi thường số tiền 3.300.000 đồng; anh Vi Văn Đ yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình B bồi thường số tiền 3.900.000 đồng; anh Hứa Quang Đ yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000 đồng do các anh đã bỏ ra mua xe. Anh Lục Văn T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.900.000 đồng; anh Lành Văn T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.400.000 đồng các anh bị mất trong cướp xe. Anh Đặng Tiến Đ yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền anh bỏ ra nhận cầm cố 02 chiếc xe mô tô (01 chiếc do B cầm cố 4.000.000đồng, 01 chiếc do Đ cầm cố 3.000.000 đồng). Những yêu cầu này là có cơ sở, do lỗi của các bị cáo do vậy cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a,b, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 túi ni lông màu đen; 02 chiếc cờ lê bằng kim loại; 02 văm phá khóa bằng kim loại dạng hình chữ Z; 01 con dao nhọn bằng kim loại màu trắng, dạng gấp, dài 22,5cm (Phần lưỡi dao dài 10cm, phần cán dao dài 12,5cm). Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu PHILIPS màu đen đã qua sử dụng của bị cáo B; 01 chiếc điện thoại di động màu đen của bị cáo P; 10 gương chiếu hậu xe mô tô. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu P: 01 hộ chiếu số: B6048101 mang tên Nguyễn Hữu

P; trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình B 01 bản sao sổ hộ khẩu (mang tên Võ Thị Kim T) và trả cho anh Lục Văn T 01 chiếc ví giả da màu đen. Trả lại cho chị Hoàng Thị T 01 BKS 12V1-022.98; trả lại cho anh Hứa Đình H 01 BKS: 12K5-4905. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định. Các bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Khi nói lời nói sau cùng các bị cáo xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo cũng không khiếu nại về quá trình tiến hành tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Phiên tòa được triệu tập họp lệ lần thứ hai, tại phiên tòa vắng mặt 10 người bị hại gồm: Anh Lành Văn T, anh Lê Văn C, ông Vi Văn D, anh Bùi Văn Đ, bà Hoàng Thị N, anh Mai Văn Đ, anh Lục Văn T, anh Hoàng Minh H, bà Lương Thị X và ông Lãng Văn K; vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và người chứng kiến. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ. Căn cứ khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 24, 25 ngày 27/7/2021, số 28 ngày 19/8/2021 và số 33 ngày 30/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Đình B đã có hành vi lén lút, lợi dụng sơ hở của các bị hại tự mình thực hiện 07 vụ trộm cắp và cùng với bị cáo Nguyễn Hữu P thực hiện 05 vụ trộm cắp xe mô tô. Giá trị tài sản bị cáo Nguyễn Đình B trộm cắp là 84.480.000 đồng (tám mươi tư triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Giá trị tài sản bị cáo Nguyễn Hữu P trộm cắp là 29.560.000 đồng (hai mươi chín triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Đình B về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, c, khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Hữu P về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nghiêm trọng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương, khiến quần chúng nhân dân hoang mang, lo lắng. Các bị cáo có đủ năng lực nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do không tu chí, cần tiền tiêu sài mà không phải lao động vất vả, các bị cáo đã phạm tội. Để có mức án tương xứng với

hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá về vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của từng bị cáo như sau:

[5] Về vai trò: Đây là vụ án có đồng phạm. Bị cáo Nguyễn Đình B là người có vai trò chính, chủ mưu nên phải chịu mức án cao hơn. Bị cáo Nguyễn Hữu P đồng phạm giúp sức tích cực nên giữ vai trò thứ yếu. Các bị cáo đều phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Cả hai bị cáo phạm tội từ 02 lần trở lên nên mỗi bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là "Phạm tội từ 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên mỗi bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa bị hại anh Nguyễn Văn H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Đình Ba nên bị cáo Nguyễn Đình B được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Đình B đã 01 lần bị Tòa án xét xử, 01 lần bị xử phạt hành chính. Mặc dù đã được xóa tiền án, tiền sự nhưng là người có nhân thân xấu. Bị cáo Nguyễn Hữu P chưa có tiền án, tiền sự nên là người có nhân thân tốt.

[9] Xét thấy bị cáo Nguyễn Đình B là người có nhân thân xấu, phạm tội nhiều lần nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và làm gương cho những người khác. Tuy nhiên, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ phần nào khi quyết định hình phạt để bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người thành khẩn khai báo. Bị cáo Nguyễn Hữu P giúp sức cho bị cáo Nguyễn Đình B thực hiện 05 vụ trộm cắp, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên cũng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian tương ứng với hành vi phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo cũng có 01 tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5, Điều 173 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng. Nhưng xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[11] Về vật chứng: Đối với 11 chiếc xe mô tô (trừ chiếc xe của chị Hoàng Thị T), đã thu hồi được và trả cho các bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tịch thu tiêu hủy: 01 túi ni lông màu đen; 02 chiếc cờ lê bằng kim loại; 02 vạm phá khóa bằng kim loại dạng hình chữ Z; 01 con dao nhọn bằng kim loại màu trắng, dạng gấp, dài 22,5cm (Phần lưỡi dao dài 10cm, phần cán dao dài 12,5cm) đã qua sử dụng do đây là công cụ, phương tiện phạm tội. Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu PHILIPS màu đen đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Đình B; 01 chiếc điện thoại di động màu đen của bị cáo Nguyễn Hữu P do các bị cáo sử dụng liên lạc phạm tội; 10 gương chiếu hậu xe mô tô do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu P 01 hộ chiếu số B6048101 mang tên Nguyễn Hữu P; trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình B 01 bản sao sổ hộ khẩu mang tên Võ Thị Kim T do đây là giấy tờ tùy thân của các bị cáo. Trả lại cho anh Lục Văn T 01 chiếc ví giả da màu đen do đây là tài sản không liên quan đến việc phạm tội. Đối với

BKS 12V1-022.98 là của chị Hoàng Thị T cần trả lại cho chị Thi; đối với BKS: 12K5-4905 của anh Hứa Đình H cần trả lại cho anh Hứa Đình H.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Do chiếc xe mô tô của chị Hoàng Thị T bị mất chưa thu hồi được và chị T có yêu cầu bị cáo bồi thường nên bị cáo phải bồi thường cho chị T số tiền theo Hội đồng định giá đã định giá. Chị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.000.000 đồng là quá cao và không có cơ sở. Anh Đinh Văn T yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình B bồi thường số tiền 4.000.000 đồng; anh Đàm Văn T yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình B bồi thường số tiền 3.000.000 đồng; anh Lăng Văn N yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình B và Nguyễn Hữu P bồi thường số tiền 3.300.000 đồng; anh Vi Văn Đ yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình B bồi thường số tiền 3.900.000 đồng do các anh đã bỏ ra mua xe. Anh Lục Văn T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.900.000 đồng; anh Lành Văn T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.400.000 đồng các anh bị mất trong cướp xe. Những yêu cầu này là có cơ sở, do lỗi của các bị cáo do vậy cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho các bị hại trên. Đối với những chiếc xe do một mình bị cáo Nguyễn Đình B trộm cắp thì bị cáo Nguyễn Đình B phải chịu trách nhiệm bồi thường cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đối với những chiếc xe do 02 bị cáo Nguyễn Đình B và Nguyễn Hữu P cùng trộm cắp thì mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan 1/2 giá trị, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Đình B phải bồi thường như sau:
 - + Bồi thường cho bị hại chị Hoàng Thị T số tiền 5.040.000 đồng (năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) do B trộm cắp chưa thu hồi được.
 - + Bồi thường cho anh Lành Văn T 1/2 số tiền bị mất 1.400.000 đồng: 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng);
 - + Bồi thường cho anh Lục Văn T 1/2 số tiền bị mất 1.900.000 đồng: 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng);
 - + Bồi thường cho anh Đinh Văn T số tiền anh T mua xe 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
 - + Bồi thường cho anh Lăng Văn N 1/2 số tiền anh N mua xe 3.300.000 đồng: 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng);
 - + Bồi thường cho anh Đàm Văn T số tiền anh Tôn mua xe 3.000.000 (ba triệu đồng);
 - + Bồi thường cho anh Vi Văn Đ: 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn đồng) do bị cáo tự mình trộm;
 - + Bồi thường cho anh Đặng Tiến Đ số tiền 4.000.000 đồng cầm cố xe của bị hại ông Lăng Văn Khèo;
 - + Bồi thường cho anh Hứa Quang Đ 1.000.000 đồng (một triệu đồng);
- Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Đình B phải bồi thường là 24.240.000 đồng (hai mươi tư triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).
- Bị cáo Nguyễn Hữu P phải bồi thường như sau:
 - + Bồi thường cho anh Lành Văn T 1/2 số tiền bị mất 1.400.000 đồng: 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng);
 - + Bồi thường cho anh Lục Văn T 1/2 số tiền bị mất 1.900.000 đồng: 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng);

+ Bồi thường cho anh Lăng Văn N 1/2 số tiền anh N mua xe 3.300.000 đồng: 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng);

+ Bồi thường cho anh Đặng Tiến Đ số tiền 3.000.000 đồng cầm cố chiếc xe của bị hại chị Hoàng Thị N;

+ Bồi thường cho anh Hứa Quang Đ 1.000.000 đồng (một triệu đồng);

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Hữu P phải bồi thường là 7.300.000 đồng (bảy triệu ba trăm nghìn đồng);

Các khoản tiền mua bán xe cho người thứ ba nếu những người này yêu cầu thì có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[13] Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo phải bồi thường nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Các bị cáo, các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331; 332; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[15] Đối với: Vi Văn Đ, Đinh Văn T, Đàm Văn T, Vũ Thanh L, Lăng Văn N, Hứa Quang Đ là người mua xe của Nguyễn Đình B; Nguyễn Tiến Đ, Hoàng Văn L là người môi giới cho B bán xe; Hoàng Tiến H cho B mượn xe mô tô đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra, B khai không nói và những người này cũng không biết hai bị cáo trộm cắp những xe mô tô trên nên không có căn cứ xử lý. Đối với Đặng Tiến Đ: Đ không biết hai xe mô tô S và P mang đến cầm cố là tài sản do người khác phạm tội mà có nên không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đ. Công an huyện Cao Lộc đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đ về hành vi nhận cầm cố tài sản không đúng quy định. Đối với Hoàng Thị S và Nguyễn Hữu P: B khai do không có giấy tờ tùy thân nên nhờ S và P đi cầm cố hộ B hai chiếc xe trên. B không được nói, S và P cũng không biết chiếc xe là tài sản do B phạm tội mà có nên không có cơ sở để xem xét, xử lý đối với S và P về hành vi này. Đối với Nguyễn Xuân T: Nguyễn Đình B khai nhờ T giới thiệu bán 03 xe mô tô và đều nói cho T biết là tài sản trộm cắp, trong đó 02 xe mô tô bán cho Hứa Quang Đ, 01 xe mô tô bán cho Lăng Văn C. Quá trình điều tra, T khai không được giới thiệu, tìm người mua xe cho B, Đ khai chỉ được mua 01 xe mô tô YAMAHA SIRIUS với B, còn C không thừa nhận được mua chiếc xe mô tô nào với B. Ngoài lời khai của B thì không có chứng cứ nào khác nên không đủ căn cứ xử lý đối với T. Đối với Đinh Văn Q: Nguyễn Đình B khai cả 03 lần nhờ Q tìm người mua xe đều nói cho Q biết là xe trộm cắp, không có giấy tờ. Nhưng Q khai B chỉ nói với Q những chiếc xe này là xe không có giấy tờ, biển kiểm soát, còn Q không biết là xe do B trộm cắp. Mặt khác, những người mua xe khai không biết xe B bán cho mình là tài sản do B phạm tội mà có. Ngoài lời khai của B không còn chứng cứ nào khác nên chưa có đủ căn cứ để xử lý Q về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, thu thập tài liệu có liên quan đến hành vi trên của Đinh Văn Q, khi có đủ căn cứ, chứng minh được hành vi vi phạm sẽ tiến hành xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Đối với xe mô tô BKS: 12V1-022.98, do chưa có căn cứ xác định được người đã mua, đang quản lý hay sử dụng

chiếc xe nên chưa phát hiện, thu giữ lại được chiếc xe. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, truy tìm.

[16] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt, bồi thường dân sự, xử lý vật chứng và các vấn đề khác là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, c khoản 2, Điều 173; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình B;

Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 173; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu P;

Căn cứ khoản 1 Điều 584; Điều 586; Điều 587 và khoản 1 Điều 589; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, khoản 2, Điều 106; khoản 2, Điều 136; Điều 331; 332; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1, Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình B, Nguyễn Hữu P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt:

2.1. Hình phạt chính:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình B 05 (năm) năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 24/7/2021.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P 04 (bốn) năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 24/7/2021.

2.2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo Nguyễn Đình B, Nguyễn Hữu P.

3. Trách nhiệm dân sự:

3.1. Buộc bị cáo Nguyễn Đình B phải bồi thường thiệt hại cho những người sau:

+ Bồi thường cho bị hại chị Hoàng Thị T số tiền 5.040.000 đồng (năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

+ Bồi thường cho anh Lành Văn T số tiền 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng);

+ Bồi thường cho anh Lục Văn T số tiền 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng);

+ Bồi thường cho anh Đình Văn T số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng);

+ Bồi thường cho anh Lăng Văn N số tiền 1.650.000 đồng (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng);

+ Bồi thường cho anh Đàm Văn T số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng);

+ Bồi thường cho anh Vi Văn Đ số tiền 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn đồng);

+ Bồi thường cho anh Đặng Tiến Đ số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng);

+ Bồi thường cho anh Hứa Quang Đ 1.000.000 đồng (một triệu đồng);

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Đình B phải bồi thường là 24.240.000 đồng (hai mươi tư triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

3.2. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu P phải bồi thường cho những người sau:

+ Bồi thường cho anh Lành Văn T số tiền 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng);

+ Bồi thường cho anh Lục Văn T số tiền 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng);

+ Bồi thường cho anh Lăng Văn N số tiền 1.650.000 đồng (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng);

+ Bồi thường cho anh Đặng Tiến Đ số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng);

+ Bồi thường cho anh Hứa Quang Đ 1.000.000 đồng (một triệu đồng);

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Hữu P phải bồi thường là 7.300.000 đồng (bảy triệu ba trăm nghìn đồng);

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo Nguyễn Đình B, Nguyễn Hữu P chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận khác thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng:

4.1. Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) túi ni lông màu đen;

+ 02 (hai) chiếc cờ lê bằng kim loại;

+ 02 (hai) văm phá khóa bằng kim loại dạng hình chữ Z;

+ 01 (một) con dao nhọn bằng kim loại màu trắng, dạng gấp, dài 22,5cm (Phần lưỡi dao dài 10cm, phần cán dao dài 12,5cm) đã qua sử dụng;

4.2. Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu PHILIPS màu đen đã qua sử dụng, số IMEI1: 864383030488402; số IMEI2: 864383030688506 của bị cáo Nguyễn Đình B;

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động màu đen; số IMEI1: 353119114374599; số IMEI2: 353119119374594 của bị cáo Nguyễn Hữu P;

+ 10 (mười) gương chiếu hậu xe mô tô;

4.3. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu P: 01 (một) hộ chiếu số B6048101 mang tên Nguyễn Hữu Phong;

4.4. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình B: 01 (một) bản sao sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ bà Võ Thị Kim T;

4.5. Trả lại cho chị Hoàng Thị T 01 (một) biển kiểm soát xe mô tô 12V1-022.98;

4.6. Trả lại cho anh Hứa Đình H: 01 (một) biển kiểm soát xe mô tô 12K5-4905;

4.7. Trả lại anh Lục Văn T 01 (một) chiếc ví giả da màu đen.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn ngày 11/01/2022);

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Đình B, Nguyễn Hữu P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Đình B phải chịu 1.212.000 đồng (một triệu hai trăm mười hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Hữu P phải chịu 365.000 đồng (ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn vòng 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Về quyền thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn (2b);
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo (tổng đạt);
- Các bị hại; người có QL&NV liên quan đến vụ án (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Mỹ Hạnh